

Phụ lục

(Ban hành kèm theo Quyết định số 54/2025/QĐ-UBND ngày 13/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

Phụ lục I

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG BẢNG GIÁ ĐẤT TẠI BẢNG 5.1. THÀNH PHỐ SƠN LA

BIỂU SỐ 01: ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT TẠI CÁC VỊ TRÍ, TUYẾN ĐƯỜNG

Đơn vị: nghìn đồng /m²

Stt	Tên tuyến đường	Giá đất theo Quyết định 43/2019/QĐ-UBND; 01/2022/QĐ-UBND; 43/2024/QĐ-UBND					Quyết định của UBND tỉnh đã ban hành	Giá đất điều chỉnh				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
A	ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ											
1	Khu dân cư Đại Thắng (Tổ 2, phường Quyết Tâm)											
-	Đường quy hoạch từ 17,5 m	7.000	4.900				Mục 32 Phần A Biểu 1 Phụ lục 01 QĐ 43/2024/QĐ-UBND	11.300	6.000			
-	Đường quy hoạch 13,5 m	6.400					Mục 43.18 Phần A Bảng 5.1 QĐ 43/2019/QĐ-UBND Mục 24 Phần A Biểu 2 Phụ lục 01 QĐ 43/2024/QĐ-UBND Biểu 3 Phụ lục 01 QĐ 43/2024/QĐ-UBND	9.500				
-	Đường quy hoạch 9,5 m	5.280						8.000				
-	Đường quy hoạch 7,5 m	4.000	2.400	1.800				7.180	3.300	2.000		
-	Đường quy hoạch 5,5 m	3.000	1.800	1.400				5.000	2.400	1.800		
2	Khu dân cư tại tổ 5, (khu vực Trạm truyền dẫn sóng phát thanh cũ), phường Chiềng Sinh											
-	Đường quy hoạch từ 20,5m đến 21m	4.200	2.500	1.900			Mục 43.45 Phần A Bảng 5.1 QĐ 43/2019/QĐ-UBND	6.800	4.100	2.720		
-	Đường quy hoạch 16,5m	4.000	2.400	1.800				5.800	3.500	2.300		
-	Đường quy hoạch 13m	3.500	2.100	1.600				5.000	3.000	2.000		
-	Đường quy hoạch từ 10,5m đến 11,5m	3.000	1.800	1.400				4.500	2.700	1.800		
-	Đường quy hoạch 7m	2.500	1.500	1.100				4.000	2.400	1.600		
-	Đường quy hoạch 5,5m	2.000	1.200	900				3.500	2.100	1.400		
3	Khu quy hoạch dân cư hạ tầng 1A thuộc phường Chiềng Cơi Thành Phố Sơn La											
-	Tuyến đường rộng 18,5m	12.870	9.900				Mục 14 Phần A Biểu 1 Phụ lục 01 QĐ 43/2024/QĐ-UBND	14.500	12.000			
-	Tuyến đường rộng 13m đến 15m	11.440	9.482					13.000	10.000			
-	Tuyến đường rộng 10m đến 11,5m	10.120	7.200					12.600	8.400			
-	Tuyến đường rộng 7,5m đến 9,5m	8.580	5.800					10.000	6.500			

Bảng 5.1 Thành Phố Sơn La

Stt	Tên tuyến đường	Giá đất theo Quyết định 43/2019/QĐ-UBND; 01/2022/QĐ-UBND; 43/2024/QĐ-UBND					Quyết định của UBND tỉnh đã ban hành	Giá đất điều chỉnh				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
4	Điểm dân cư thuộc quy hoạch khu tái định cư số 01, bản Buồn, phường Chiềng Cơi											
-	Đường quy hoạch 15 m	10.000					Mục 4 Phần A Biểu số 01.1 Phụ lục 01 QĐ 01/2022/QĐ-UBND	20.000				
-	Đường quy hoạch 9 m	8.200						17.700				

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Phụ lục

(Ban hành kèm theo Quyết định số 54/2025/QĐ-UBND ngày 13/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

Phụ lục I**ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG BẢNG GIÁ ĐẤT TẠI BẢNG 5.1. THÀNH PHỐ SƠN LA****BIỂU SỐ 02: BỔ SUNG GIÁ ĐẤT TẠI CÁC VỊ TRÍ, TUYẾN ĐƯỜNG**

Đơn vị: nghìn đồng /m²

Stt	Tên tuyến đường	Giá đất				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
A	ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ					
1	Đường Quốc lộ 6 cũ					
-	Đoạn từ giao đường Lê Duẩn đến hết trạm cân	6.000	3.600	2.000		

Phụ lục

(Ban hành kèm theo Quyết định số 54/2025/QĐ-UBND ngày 13/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

Phụ lục I**ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG BẢNG GIÁ ĐẤT TẠI BẢNG 5.1. THÀNH PHỐ SƠN LA**
BIỂU SỐ 03: ĐIỀU CHỈNH TÊN TUYẾN ĐƯỜNG (KHÔNG ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT)

Stt	Tên tuyến đường tại QĐ 43/2019/QĐ-UBND; QĐ 33/2020/QĐ-UBND; QĐ 43/2024/QĐ-UBND		Tên tuyến đường sau điều chỉnh	
B	Đất ở tại nông thôn		A	Đất ở tại đô thị
VII	Các tổ, bản thuộc phường có điều kiện như nông thôn		1	Các tổ, bản thuộc phường
-	Các đường nhánh thuộc tổ, bản: tổ 7, tổ 9, tổ 10, tổ 11, tổ 14, tổ 15, tổ 17, bản Cang, bản Ban, bản Thắm Mạy, bản Phung, bản Hẹ, phường Chiềng Sinh (trừ các tuyến đường đã quy định giá ở các mục trên)	Điểm 1 Mục VII Phần B Bảng 5.1 QĐ 43/2019/QĐ-UBND; Điểm 1 Mục VII Phần B Biểu số 04 QĐ 33/2020/QĐ-UBND	-	Các đường nhánh thuộc tổ, bản: tổ 7, tổ 9, tổ 10, tổ 11, tổ 14, tổ 15, tổ 17, bản Cang, bản Ban, bản Thắm Mạy, bản Phung, bản Hẹ, phường Chiềng Sinh (trừ các tuyến đường đã quy định giá đất)
-	Các đường nhánh thuộc phường Chiềng An (trừ các tổ, bản: tổ 1, tổ 2, tổ 4, bản Cọ, bản Hải, bản Cá) (trừ các tuyến đường đã quy định giá ở các mục trên)	Điểm 2 Mục VII Phần B Bảng 5.1 QĐ 43/2019/QĐ-UBND	-	Các đường nhánh thuộc phường Chiềng An (trừ các tổ, bản: tổ 1, tổ 2, tổ 4, bản Cọ, bản Hải, bản Cá) (trừ các tuyến đường đã quy định giá đất)
-	Các đường nhánh thuộc Phường Chiềng Cơi (Trừ tổ 2,3, Bản Buồn, Bản Mé Ban) (trừ các tuyến đường đã quy định giá ở các mục trên)	Điểm 3 Mục VII Phần B Bảng 5.1 QĐ 43/2019/QĐ-UBND; Mục 2 phần B Biểu 2 Phụ lục 01 QĐ 43/2024/QĐ-UBND	-	Các đường nhánh thuộc Phường Chiềng Cơi (Trừ tổ 2,3, Bản Buồn, Bản Mé Ban) (trừ các tuyến đường đã quy định giá đất)